TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/LĐ-PT
Ngày: 15/9/2022
V/v tranh chấp "Bồi thường thiệt hại về lao động"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Hữu Giàu.

Các Thẩm phán: Bà Ngô Ngọc Phỉ;

Ông Nguyễn H Thám.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mộng Cầm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:* Ông Phạm Hoàng Lưu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 01/2022/TLPT-LĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 về việc tranh chấp "Bồi thường thiệt hại về lao động".

Do bản án lao động sơ thẩm số 04/2021/LĐ-ST ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2022/QĐXXPT-LĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐ-PT ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần dược phẩm I (I). Địa chỉ trụ sở: Số 04, đường 30/4, Phường 1, thành phố CL, tỉnh ĐT.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1952 - Là người đại diện theo pháp luật (Tổng Giám đốc Công ty);

- Ông Nguyễn Quốc Đ2, sinh năm 1962; Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty - Là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 113/UQ-IMEX ngày 07/11/2017);

- Ông Phạm Quế N, sinh năm 1976; Chức vụ: Quyền Giám đốc Chi nhánh Công ty CPDP I An Giang - Là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 35/UQ-IMP ngày 10/6/2020).

2. Bị đơn: Ông Tô Hồng Q, sinh năm 1993; nơi cư trú: Ấp TP B, xã TA, thị xã TC, tỉnh An Giang. Địa chỉ tạm trú: Số 158, đường MHĐ, khóm BK 7, phường BK, thành phố LX, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Trương Thanh H, sinh năm 1990; nơi cư trú: Số 275, ấp TT, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang;

3.2. Ông Đặng Văn U, sinh năm 1974; nơi cư trú: Số 103, đường NT, tổ 31, khóm 3, Phường 2, thành phố CL, tỉnh ĐT;

3.3. Ông Trần Bảo Tuấn, sinh năm 1983; nơi cư trú: Số 15, tổ 123, khóm ĐT 7, phường MP, thành phố LX, tỉnh An Giang;

3.4. Ông Nguyễn Thành V, sinh năm 1993; nơi cư trú: Tổ 07, ấp Long Hưng, xã LG, huyện CM, tỉnh An Giang và Số 16 - 18, đường HV, khóm ĐT 2, phường MP, thành phố LX, tỉnh An Giang.

4. Người kháng cáo: Ông Tô Hồng Q, là bị đơn trong vụ án.

Tại phiên tòa có mặt: Ông Tô Hồng Q và ông Phạm Quế N; vắng mặt các đương sự còn lại.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

Trong Đơn khởi kiện ngày 10/6/2020 của nguyên đơn là Công ty Cổ phần dược phẩm I; quá trình giải quyết và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Phạm Quế N trình bày:

Công ty Cổ phần dược phẩm I (I) có ký kết các Hợp đồng lao động với ông Tô Hồng Q gồm: Hợp đồng lao động số 264/HĐLĐ-IMX ngày 04/8/2014; Hợp đồng lao động số 325/HĐLĐ-IMX ngày 04/10/2014; Hợp đồng lao động số 192/HĐLĐ-IMX ngày 04/12/2014 và Hợp đồng lao động số 235 ngày 04/12/2015 để tuyển dụng ông Q vào làm việc tại I Chi nhánh An Giang. Quá trình làm việc đến ngày 05/3/2019, ông Q được giao nhiệm vụ thủ kho của I Chi nhánh An Giang. Từ lúc nhận nhiệm vụ này, ông Q đã cùng với các ông Trương Thanh H (Trình dược viên), Đặng Văn U (Giám đốc Chi nhánh An Giang), Trần Bảo T (Kế toán trưởng Chi nhánh An Giang), Nguyễn Thành V (Giám sát bán hàng) có hành vi vi phạm nội quy lao động của Công ty đã làm thất thoát hàng hóa Công ty với tổng giá trị thiệt hại là 2.058.171.443 đồng *(Hai tỷ không trăm năm mươi tám triệu một trăm bảy mươi mốt nghìn bốn trăm bốn mươi ba đồng).*

Ngày 24/02/2020, I quyết định triệu tập cuộc họp xử lý vấn đề Chi nhánh An Giang sai phạm trong bán hàng và quản trị tại Chi nhánh. Sau khi cân nhắc và đánh giá mức độ sai phạm của từng cá nhân, ông H, ông Q, U, ông T và V đã đồng ý ký tên Biên bản của phiên họp và cùng làm các Tờ cam kết thống nhất

với việc I chia theo tỉ lệ phần trăm tương ứng với mức độ sai phạm của từng cá nhân, cụ thể:

- Ông Trương Thanh H chịu trách nhiệm với tỉ lệ là 40% tương đương số tiền 823.171.443 đồng *(Tám trăm hai mươi ba triệu một trăm bảy mươi mốt nghìn bốn trăm bốn mươi ba đồng)*.

- Ông Tô Hồng Q chịu trách nhiệm với tỉ lệ là 28% tương đương số tiền 585.000.000 đồng *(Năm trăm tám mươi lăm triệu đồng)*.

- Ông Đặng Văn U chịu trách nhiệm với tỉ lệ là 17% tương đương số tiền 350.000.000 đồng *(Ba trăm năm mươi triệu đồng)*.

- Ông Trần Bảo T chịu trách nhiệm với tỉ lệ là 10% tương đương số tiền 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng)*.

- Nguyễn Thành V chịu trách nhiệm 5% tương đương số tiền là 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)*.

Căn cứ kết quả trên, ngày 28/02/2020, I có Thông báo số 79A/TB-IMP về việc xử lý sai phạm tại Chi nhánh Công ty Cổ phần dược phẩm I – An Giang (Thông báo số 79A) gửi đến các ông H, Q, U, T và V yêu cầu khắc phục ngay thiệt hại theo tỉ lệ đã thống nhất với I. Sau đó, ông H đã khắc phục được một phần hậu quả với số tiền là 124.135.656 đồng; U đã khắc phục toàn bộ hậu quả với số tiền 350.000.000 đồng; ông T đã khắc phục toàn bộ hậu quả với số tiền 200.000.000 đồng và V đã khắc phục toàn bộ hậu quả với số tiền 100.000.000 đồng. Riêng đối với ông Q chỉ khắc phục được số tiền là 9.607.125 đồng *(Chín triệu sáu trăm lẻ bảy nghìn một trăm hai mươi lăm đồng)* vào ngày 03/6/2020; số còn lại cho đến nay vẫn chưa khắc phục là 575.392.875 đồng (*Năm trăm bảy mươi lăm triệu ba trăm chín mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng)* mặc cho I nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở.

Bị đơn là ông Tô Hồng Q trình bày:

Ông nhận nhiệm vụ vào làm việc tại I theo các Hợp đồng lao động số 264/HĐLĐ-IMX ngày 04/8/2014; Hợp đồng lao động số 325/HĐLĐ-IMX ngày 04/10/2014; Hợp đồng lao động số 192/HĐLĐ-IMX ngày 04/12/2014 và Hợp đồng lao động số 235 ngày 04/12/2015. Đối với 02 Hợp đồng lao động đầu tiên, vào ngày 04/8/2014 và ngày 04/10/2014 thì ông được tuyển dụng vào làm việc tại I với nhiệm vụ của một nhân viên; ngày 04/12/2014, ông được Công ty ký kết vào Công ty với thời hạn là 01 năm vẫn với nhiệm vụ là nhân viên; từ ngày 04/12/2015, Công ty ký kết hợp đồng không xác định thời hạn với ông, vẫn với nhiệm vụ là một nhân viên. Tuy nhiên, từ ngày 25/4/2015, do công việc thực tế tại đơn vị nên Công ty có Quyết định về việc phân công nhân sự số 39/QĐPC-IMEX ngày 25/4/2015; theo đó, ông được phân công nhận nhiệm vụ với vị trí là

Thủ kho kiêm Thủ quỹ Chi nhánh CL 3 (I Chi nhánh An Giang) đến ngày 05/3/2019, thì ông chỉ còn nhận nhiệm vụ thủ kho với nhiệm vụ chính là nhập hàng, kiểm kê hàng hóa, sắp xếp hàng hóa vào kho, xuất hàng dựa trên hóa đơn từ Kế toán và theo lệnh Giám đốc Chi nhánh; ông không có quyền và nhiệm vụ giao hàng hoặc tham gia vào việc thu và quản lý công nợ của trình dược viên và khách hàng.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ với vị trí là một thủ kho tại I Chi nhánh An Giang, ông chưa để ra sự sai sót hay lệch kho tháng nào, tồn kho thực tế và biên bản kiểm kê đã ký luôn luôn trùng khớp hoàn toàn với số liệu lưu trữ của Kế toán trên phần mềm Công ty và luôn được phê duyệt, chuyển lưu. Ông làm việc đúng và đầy đủ theo nhiệm vụ được giao dựa trên bảng mô tả nhiệm vụ và huấn luyện khi nhận việc, hàng tháng có đối chiếu, kiểm tra xuất nhập tồn hàng hóa lưu tại kho. Hàng nhập theo Lệnh nhập kho (có phiếu nhập kho), hàng xuất kho (chi tiết đơn hàng) theo lệnh xuất kho (bằng văn bản) của người có thẩm quyền quyết định là Kế toán và Giám đốc Chi nhánh, còn việc quản lý – kiểm tra – theo dõi – đối chiếu – thu và nộp công nợ hàng tháng cho Công ty là quyền và nhiệm vụ của Kế toán và nhân viên thu – Thủ quỹ dưới sự kiểm tra, giám sát và quản lý của Giám đốc Chi nhánh. Ông hoàn toàn không liên quan, không có nhiệm vụ tham gia vào vấn đề này.

Liên quan đến bút tích của ông trong các biên bản đối chiếu công nợ, thì các biên bản đối chiếu công nợ này được Công ty lập sẵn, sau đó Công ty gây sức ép và buộc ông ký xác nhận là đã giao hàng cho ông H để hưởng chênh lệch. Đồng thời, việc ông ký tên vào Biên bản họp sai phạm xử lý vấn đề Chi nhánh An Giang sai phạm trong bán hàng và quản trị tại Chi nhánh ngày 24/02/2020 và Tờ cam kết cùng ngày 24/02/2020 cũng là do sự ép buộc quá lớn từ Công ty. Ông xác nhận, là có một số hàng hóa sau khi xuất kho, thì ông có giao chủ yếu cho ông Lê Tùng L để đi giao hàng; còn một số hàng hóa khác thì do xe gửi hàng không đến được và hàng bọc nhỏ, với số tiền không lớn thì ông có gửi cho ông H để giao khách hàng. Còn việc ông xác nhận vào 20 Biên bản đối chiếu công nợ là do Công ty ép buộc ông ghi là có giao hàng cho ông H, vì thời điểm này ông H đã bỏ trốn khỏi Công ty. Mặt khác, phía Công ty không đưa ra được bằng chứng để chứng minh là ông có liên quan hay ăn chia, cấu kết với ông H để hưởng lợi bằng hình thức nào.

Về số tiền 9.607.125 đồng *(Chín triệu sáu trăm lẻ bảy nghìn một trăm hai mươi lăm đồng)* là số tiền mà ông bồi thường thiệt hại lệch kho khi bàn giao thủ kho mới ngày 25/02/2020, không liên quan đến số tiền 575.392.875 đồng. Do đó, ông không đồng ý bồi thường thiệt hại về lao động cho I với số tiền 575.392.875 đồng (*Năm trăm bảy mươi lăm triệu ba trăm chín mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng)* theo Tờ cam kết ngày 24/02/2020 mà ông đã ký với Công ty.

Đối với Thông báo số 79A/TB-IMP ngày 28/02/2020 và Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 30/QĐNV-IMP ngày 24/02/2020 của Công ty có nội dung *"Ông Tô Hồng Q có trách nhiệm khắc phục hậu quả làm thiệt hại cho Công ty theo Tờ cam kết ngày 24/02/2020. Nếu không thực hiện đúng cam kết, Công ty sẽ đưa ra cơ quan pháp luật xử lý"* thì ông xác định có nhận các văn bản này của Công ty nhưng ông không khiếu nại hoặc tố cáo gì.

Tại Văn bản ý kiến ngày 26/6/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Bảo T trình bày:

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tại I Chi nhánh An Giang, do sai phạm trong bán hàng và quản trị của Chi nhánh đã gây thiệt hại cho Công ty I số tiền là 2.058.171.443 đồng *(Hai tỷ không trăm năm mươi tám triệu một trăm bảy mươi mốt nghìn bốn trăm bốn mươi ba đồng)*, trong đó các cá nhân liên quan phải chịu trách nhiệm bồi thường số tiền trên theo tỉ lệ tương ứng do Công ty xem xét. Riêng cá nhân ông phải chịu trách nhiệm bồi thường số tiền 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng)* theo Thông báo số 79A/TB-IMP ngày 28/02/2020 của Công ty cổ phần dược phẩm I. Ông hoàn toàn thống nhất và đã chấp hành xong theo Quyết định của Công ty vào ngày 29/02/2020. Ông không có ý kiến gì về việc tranh chấp giữa Công ty cổ phần dược phẩm I và ông Tô Hồng Q nên có Đơn xin vắng mặt trong các buổi hòa giải và xét xử tại Tòa án các cấp ngày 26/6/2021 với lý do bận đi làm, cam kết sẽ không có bất kỳ sự khiếu nại gì về sau.

Tại Văn bản ý kiến ngày 26/6/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành Vui trình bày:

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tại Chi nhánh An Giang, do sai phạm trong bán hàng và quản trị của Chi nhánh đã gây thiệt hại cho Công ty I số tiền là 2.058.171.443 đồng *(Hai tỷ không trăm năm mươi tám triệu một trăm bảy mươi mốt nghìn bốn trăm bốn mươi ba đồng)*, trong đó các cá nhân liên quan phải chịu trách nhiệm bồi thường số tiền trên theo tỉ lệ tương ứng do Công ty xem xét. Riêng cá nhân ông phải chịu trách nhiệm bồi thường số tiền 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)* theo Thông báo số 79A/TB-IMP ngày 28/02/2020 của Công ty cổ phần dược phẩm I. Ông hoàn toàn thống nhất và đã chấp hành xong theo Quyết định của Công ty vào ngày 31/3/2021. Ông không có ý kiến gì về việc tranh chấp giữa Công ty cổ phần dược phẩm I và ông Tô Hồng Q nên có Đơn xin vắng mặt trong các buổi hòa giải và xét xử tại Tòa án các cấp ngày 26/6/2021 với lý do bận đi làm, cam kết sẽ không có bất kỳ sự khiếu nại gì về sau.

Tại bản án lao động sơ thẩm số: 04/2021/LĐ-ST ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty Cổ phần dược phẩm I (I). Buộc bị đơn là ông Tô Hồng Q phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho I số tiền là 575.392.875 đồng *(Năm trăm bảy mươi lăm triệu ba trăm chín mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Theo đơn kháng cáo ngày 27/12/2021 của ông Tô Hồng Q: Kháng cáo toàn bộ bản án lao động sơ thẩm số: 04/2021/LĐ-ST ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Toà án nhân dân thành phố LX. Không đồng ý bồi thường thiệt hại cho Công ty I.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, thống nhất với bản án sơ thẩm.

Bị đơn trình bày: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh An Giang:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Tô Hồng Q; Hủy bản án lao động sơ thẩm số 04/2021/LĐ-ST ngày 14/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố LX và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố LX giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Tô Hồng Q trong hạn luật định có nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự còn lại không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị đối với bản án sơ thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Tô Hồng Q và chứng cứ liên quan, Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp "Bồi

thường thiệt hại về lao động" giữa người sử dụng lao động là Công ty Cổ phần dược phẩm I (I) và người lao động là ông Tô Hồng Q, tranh chấp này được điều chỉnh theo Bộ luật lao động năm 2019 và Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ "Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động".

Xét thấy, theo khoản 1 Điều 130 Bộ luật lao động 2019 quy định: "Việc xem xét, quyết định mức bồi thường thiệt hại phải căn cứ vào lỗi, mức độ thiệt hại thực tế và hoàn cảnh thực tế gia đình, nhân thân và tài sản của người lao động". Điều 71 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục xử lý về bồi thường thiệt hại.

Theo biên bản làm việc ngày 19/02/2020 của Ban pháp chế Công ty Cổ phần dược phẩm I có nội dung: I. Lý do cuộc họp: … Trình dược viên (TVD) Trương Thanh H đã thu tiền của khách hàng nhưng không nộp về Công ty, mượn mã khách hàng để xuất khống, lấy hàng mang bán bên ngoài để tiêu xài cá nhân, hiện đã mất liên lạc, chưa tìm được TDV H để làm rõ phần công nợ thực của khách hàng và phần H chiếm dụng; II. Phần trình bày nội dung vụ việc: Trình bày của Giám đốc Chi nhánh; Kế toán trưởng; Kế toán phụ; Phụ kho; Giám sát bán hàng và Thủ kho; III.Ý kiến của đoàn làm việc:.

Theo biên bản họp ngày 24/02/2020 của Công ty Cổ phần dược phẩm I "Về việc xử lý vấn đề Chi nhánh An Giang sai phạm trong bán hàng và quản trị tại Chi nhánh" có nội dung: II. Trình bày về nội dung vụ việc: … Tổng số tiền TDV H đã chiếm dụng theo số liệu do Chi nhánh cung cấp (tính đến ngày 24/02/2020) là 2.239.168.965đ (43 khách hàng), số tiền khách hàng xác nhận 180.997.522đ, số công nợ còn lại là 2.058.171.443đ (Công ty chưa đi đối chiếu lại), các chứng từ phiếu xuất kho của H không nộp lại từ tháng 10/2019 đến nay, không có chứng cứ để xác nhận H nhận hàng từ kho.

Biên bản còn thể hiện số tiền thất thoát là do TDV H chiếm dụng (của 43 khách hàng) và Công ty chưa đối chiếu số tiền chưa thu hồi (khách hàng nợ; cá nhân chiếm dụng).

Tại phần V, mục 3 của biên bản họp ngày 24/02/2020, bà Trần Thị Đ Tổng Giám đốc kết luận:

- Mở khóa khách hàng mà không kiểm soát, trách nhiệm chính thuộc về Giám đốc và Kế toán trưởng.

- Các vấn đề rủi ro liên quan đến pháp luật:

+ Để TDV H như một đầu nậu, tuồn hàng không kiểm soát.

+ Xuất lượng hàng Cedipect quá lớn mà không có khách hàng ký nhận.

+ TDV H mua máy, tự in hàng loạt hóa đơn (tương tự mẫu I) lập các chứng từ giả.

- Sự quản lý lỏng lẻo của Lãnh đạo Chi nhánh để xảy ra sự cố của TDV H…

Và phần kết luận nêu trách nhiệm của Giám đốc Chi nhánh; Kế toán trưởng;

Giám sát bán hàng; Phụ kho giao hàng; Kế toán phụ xuất hóa đơn… và quy trách nhiệm vật chất mà mỗi cá nhân phải chịu, trong đó Thủ kho: 28% tương ứng với số tiền 575.392.875 đồng.

Như vậy cả hai biên bản nêu trên đều xác định TDV H là người chiếm dụng tiền của Công ty, nhưng không đưa ra biện pháp thu hồi hoặc xử lý hành vi chiếm đoạt của TDV H. Theo Kết luận của Tổng Giám đốc thể hiện lỗi chính dẫn đến thiệt hại tài sản Công ty là Giám đốc Chi nhánh và Kế toán trưởng, kết luận không nêu người lao động Tô Hồng Q sai phạm nội dung nào, giá trị bao nhiêu, trách nhiệm cá nhân của người lao động phải bồi thường thiệt hại đối với người sử dụng lao động mà gom chung 05 người cùng sai phạm và phải chịu trách nhiệm và chia tỉ lệ phần trăm cho mỗi cá nhân gồm: Ông Trương Thanh H (Trình dược viên) 40%; ông Đặng Văn Út (Giám đốc Chi nhánh) 17%; ông Trần Bảo Tuấn (Kế toán trưởng) 10%; ông Nguyễn Thành Vui (Giám sát bán hàng) 5% và ông Tô Hồng Q (Thủ kho) 28%. Không chỉ ra được từng người gây thiệt hại và phần lỗi của từng người là chưa đúng quy định pháp luật.

Theo Quyết định số 87/QĐ-IMP về việc ban hành Quy chế Phân cấp quản lý tài chính - kế toán đối với Chi nhánh ngày 31/12/2019 (có quy chế kèm theo) của Công ty Cổ phần dược phẩm I. Tại Điều 3 và Điều 4 của Quy chế có quy định trách nhiệm và quyền hạn của Giám đốc Chi nhánh và Kế toán trưởng Chi nhánh.

Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy 43 khách hàng được nêu trong biên bản ngày 24/02/2020 đều có xuất hóa đơn giá trị gia tăng, kể cả 16 thùng hàng ông Q cho rằng giao ngày thứ bảy theo lệnh của Giám đốc Chi nhánh đều có hóa đơn giá trị gia tăng. Nhận thấy thời điểm xuất hóa đơn giá trị gia tăng là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, 16 thùng thuốc mà ông Q được nhờ giao vào ngày thứ bảy (do ông trực tại Chi nhánh) cho nhà thuốc Hồng Vân đều có xuất hóa đơn cho nhà thuốc Hồng Vân có chữ ký của người bán hàng là Kế toán trưởng ông Trần Bảo Tuấn và chữ ký của Thủ trưởng đơn vị là ông Đặng Văn Út. Không có chứng cứ chứng minh ông Q câu kết với TDV H làm thất thoát tài sản của Công ty. Hơn nữa các nhà thuốc không từ chối hay khiếu nại về việc không nhận được thuốc theo đơn đặt hàng, mà họ chỉ xác nhận số nợ còn lại chưa trả.

Tại phiên tòa nguyên đơn trình bày TDV H được giao phụ trách địa bàn huyện Tịnh Biên và thành phố Châu Đốc và xác định nhiệm vụ của Thủ kho là: Nhập kho theo lệnh nhập kho (có phiếu nhập kho); xuất kho theo lệnh xuất kho (có phiếu xuất kho) của người có thẩm quyền quyết định là Kế toán trưởng và Giám đốc Chi nhánh, còn việc thu phiếu, kiểm tra công nợ, thu tiền là của Kế toán và Thủ quỹ. Đối với việc chia tỷ lệ % cho từng cá nhân chịu trách nhiệm là do Tổng Giám đốc tính trên sai phạm của mỗi người để phân chia chứ không có quy định nào.

Qua tranh luận công khai tại phiên tòa nguyên đơn cho rằng căn cứ vào lời thừa nhận sai phạm của bị đơn tại biên bản họp ngày 24/02/2020 và tờ cam kết của bị đơn ông Q để buộc ông Q phải bồi thường thiệt hại.

ông Q không đồng ý và cho rằng ông là người lao động, tại cuộc họp trước sức ép của Ban Tổng Giám đốc và Lãnh đạo Chi nhánh buộc ông nhận sai phạm và chịu bồi thường vì nếu không nhận sẽ bị thông báo về gia đình và xử lý theo pháp luật. Do sợ và nghĩ đơn giản nếu nhận lỗi sẽ được tiếp tục làm việc, cùng anh em trong Chi nhánh khắc phục từ từ số tiền thiệt hại mà TDV H gây ra chứ thật sự ông không có lỗi làm thiệt hại tài sản Công ty, nhưng sau khi Ban Tổng Giám đốc làm việc thì ông nhận ngay Quyết định sa thải, do thấy bản thân không sai, bị oan ức nên không chấp nhận bồi thường thiệt hại.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo kết luận của Tổng Giám đốc thì Chi nhánh Công ty quản trị không chặt chẽ, lỏng lẻo dẫn đến thất thoát tài sản Công ty và trách nhiệm chính thuộc về Lãnh đạo Chi nhánh. Hơn nữa vụ án tranh chấp bồi thường thiệt hại về lao động thì người sử dụng lao động phải chứng minh thiệt hại thực tế xảy ra, nguyên nhân gây thiệt hại, người gây thiệt hại… nhưng qua xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa thì phía nguyên đơn Công ty Cổ phần dược phẩm I không cung cấp được chứng cứ chứng minh người lao động là ông Tô Hồng Q có lỗi và gây ra thiệt hại cho Công ty.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của ông Tô Hồng Q là có cơ sở, cần sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố LX theo hướng không chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn.

Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên nguyên đơn phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định pháp luật. Ông Tô Hồng Q không phải chịu án phí lao động sơ thẩm và phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của ông Tô Hồng Q.

Phúc xử:

Sửa bản án lao động sơ thẩm số: 04/2021/LĐ-ST ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Toà án nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty Cổ phần dược phẩm I (I), khởi kiện bị đơn ông Tô Hồng Q phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho I số tiền là 575.392.875 đồng *(Năm trăm bảy mươi lăm triệu ba trăm chín mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng)*.

2. Án phí:

- Về án phí sơ thẩm:

Công ty Cổ phần dược phẩm I phải chịu án phí lao động sơ thẩm số tiền là 15.508.000đ *(Mười lăm triệu năm trăm lẻ tám nghìn đồng)*, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.510.000đ *(Mười ba triệu năm trăm mười nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005578, ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX, tỉnh An Giang. Công ty Cổ phần dược phẩm I phải nộp thêm 1.998.000đ *(Một triệu chín trăm chín mươi tám nghìn đồng*).

- Về án phí phúc thẩm:

Hoàn trả cho ông Tô Hồng Q 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000925 ngày 20/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX, tỉnh An Giang.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND AG;
- Phòng KTNV và THA;
- TAND huyện;
- THA huyện;
- Văn Phòng;
- Tòa Kinh tế - Lao động;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lưu Hữu Giàu